

Bản án số: 05/2023/HNST

Ngày: 17/01/2023

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Nguyễn Thanh Tùng*.

Ông *Nguyễn Văn Sang*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Võ Thị Phi Liễu* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa: Ông *Tô Minh Phú* – Kiểm sát viên.**

Trong ngày 17/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 185/2022/TLST- HN ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐST-HN ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Chim H H**, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 141, Khu vực Yên Hạ, phường L B, quận C R, thành phố C T.

* Bi đơn: Bà **Nguyễn T T L**, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

ĐKTT: Số 570 khu vực 4, phường B L, quận C R, thành phố C T.

Địa chỉ: Số 503, Khu vực 3, phường B L, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – ông *Chim H H* trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà *Nguyễn T T L* tự tìm hiểu và tiến tới chung sống như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông *H* trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do trong quá trình chung sống điều kiện kinh tế vợ chồng khó khăn, bà *L* không chịu nổi được

cuộc sống khó khăn nên bỏ nhà đi từ năm 2004 cho đến nay. Ông đã nhiều lần tìm cách liên hệ để hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng nhưng không được, bà L cũng không đồng ý quay trở lại chung sống cũng như đi đăng ký kết hôn. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên ông yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Nguyễn T T L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chim T T T (nữ), sinh ngày 12/03/2003. Hiện nay con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có.

* *Phía bị đơn bà Nguyễn T T L:*

Bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đây là vụ kiện tranh chấp ly hôn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng do các đương sự không có đăng ký kết hôn nên thuộc trường Tòa án không hòa giải về hôn nhân mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung đã trình bày trước đó. Đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Linh, về con chung có 01 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Do đó, về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện kiểm sát đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo lời trình bày của nguyên đơn thì nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến đến chung sống như vợ chồng vào năm 1999, có 01 con chung nhưng không có đi đăng ký kết hôn cho đến nay. Việc quan hệ chung sống

như vợ chồng của ông H và bà L không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được coi là hôn nhân hợp pháp do đó không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ và Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chim H H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông H và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Tuy không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng việc các bên không đăng ký kết hôn mà tiến tới chung sống như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*”. Mặt khác, bị đơn bà L có địa chỉ cư trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, ông H và bà L bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, trong quá trình chung sống có con chung, cả hai có đủ điều kiện để đi đăng ký kết hôn cho đúng theo quy định của pháp luật nhưng cho đến nay cả hai cũng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ chung sống của họ không được coi là hôn nhân hợp pháp do đó không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống của ông H và bà L phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, đời sống kinh tế khó khăn dẫn đến bà L không chịu được nên bỏ nhà đi từ năm 2004 và thời gian kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì những người có quan hệ sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được công nhận là vợ chồng. Do vậy, việc ông Chim H H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn T T L là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Chim T T T(nữ), sinh ngày 12/03/2003. Con đã trưởng thành không yêu cầu nên không đặt xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 4, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chim H H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Chim H H và bà Nguyễn T T L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Chim T T T(Nữ), sinh ngày 12/03/2003. Con đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008733 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- **Nơi nhận:**

- + VKSND quận C R;
- + Chi Cục THADS quận C R;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN THỊ HỒNG GẮM